

Đồng Hới, ngày 12 tháng 5 năm 2021

Số: 01/2021/QĐST- VHNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Khoản 4 Điều 397, Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 94/2021/TLST-VHNGĐ ngày 16/4/2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Trần Công T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số X, đường L, tổ dân phố Y, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

+ Chị Võ Thị Minh Tâm, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số X, đường L, tổ dân phố Y, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/5/2021 các đương sự đã thỏa thuận:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Công T và chị Võ Thị Minh T tự nguyện tìm hiểu xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 12/6/2015. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh những mâu thuẫn lớn về công việc, đời sống gia đình và cơ quan của hai bên. Nguyên nhân là do sự khác biệt về suy nghĩ, lối sống, tư tưởng và quan điểm. Mặc dù cả hai bên đều đã

cố gắng khắc phục, hòa giải nhưng đời sống chung không thể hòa hợp, không có hạnh phúc. Nay cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Hai bên đều thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có 02 đứa con chung là cháu Trần Vũ Kim N, sinh ngày 30/01/2016 và cháu Trần Thanh T, sinh ngày 20/3/2019.

Anh T và chị T thỏa thuận: Giao con chung cháu Trần Vũ Kim N, sinh ngày 30/01/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Trần Thanh T, sinh ngày 20/3/2019 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T, chị T không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, cấm không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Anh T, chị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Trần Công T và chị Võ Thị Minh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Công T và chị Võ Thị Minh T thuận tình ly hôn.
- Về quan hệ con chung: Hai bên đều thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có 02 đứa con chung là cháu Trần Vũ Kim N, sinh ngày 30/01/2016 và cháu Trần Thanh T, sinh ngày 20/3/2019.

Anh T và chị T thỏa thuận: Giao con chung cháu Trần Vũ Kim N, sinh ngày 30/01/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Trần Thanh T, sinh ngày 20/3/2019 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T, chị T không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, cấm không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh T, chị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Công T và chị Võ Thị Minh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự để sung quỹ Nhà nước. Số tiền lệ phí phải nộp được khấu trừ từ 300.000 đồng tạm ứng lệ phí anh chị đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0006785 ngày 16/4/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Phúc Nam